

THU HÚT VỐN FDI VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG - CPTPP

PGS.TS. Nhữ Trọng Bách - Ths. Đào Duy Thuần*

Hiện nay, trong số 11 quốc gia thành viên CPTPP, ngoài Peru chưa có dự án đầu tư vào Việt Nam, thì tất cả các thành viên còn lại đều đã đầu tư vào Việt Nam. Tổng cộng, các nước thành viên CPTPP đã đầu tư vào Việt Nam khoảng 123 tỷ USD, chiếm gần 37% tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam trong hơn 3 thập kỷ vừa qua. Đây là một con số không hề nhỏ, cho thấy đầu tư của các thành viên CPTPP có ý nghĩa rất lớn đối với thu hút FDI của Việt Nam. Do đó, khi CPTPP được ký kết, sẽ mở ra những kỳ vọng, không chỉ các nước vốn có hoạt động đầu tư lớn tại Việt Nam mà ngay cả những nước đang có dòng vốn ít ỏi sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đầu tư tại Việt Nam. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là, liệu CPTPP có giúp chuyển dịch dòng vốn FDI từ các nước thành viên vào Việt Nam hay không? Bài viết sẽ làm rõ một số vấn đề trong thực trạng thu hút vốn FDI của Việt Nam hiện nay và cơ hội, cũng như lợi thế trong thu hút vốn FDI từ các quốc gia tham gia CPTPP.

• Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, CPTPP.

Currently, 11 member states of CPTPP, apart from Peru, there is no investment project in Vietnam. In total, the CPTPP member countries were first in Vietnam, about 123 billion USD, accounting for nearly 37% of total registered FDI capital in Vietnam over the past 3 decades. This is a small number, showing the investment of CPTPP members has great significance for Vietnam's FDI attraction. Therefore, when the CPTPP is signed, the periods will be opened. Hopefully, not only countries with large investment activities in Vietnam but also countries. Little capital will further boost investment activities in Vietnam. However, the question is, whether Does CPTPP help translate the flow of FDI from member countries into Vietnam? This article will clarify some issues in the current situation of attracting FDI of Vietnam today and opportunities, as well as benefits So in attracting FDI from countries participating in CPTPP.

• Keywords: foreign direct investment, FDI, CPTPP.

Ngày nhận bài: 3/11/2018

Ngày chuyển phần biện: 7/11/2018

Ngày nhận phần biện: 15/11/2018

Ngày chấp nhận đăng: 20/11/2018

Hiện nay, Nhật Bản, Singapore, Malaysia đang là những nhà đầu tư nước ngoài dẫn dắt dòng vốn FDI vào Việt Nam, tính theo lũy kế đến tháng 10/2018, Việt Nam thu hút được 56,2 tỷ USD dòng vốn FDI từ Nhật Bản; 46,2 tỷ USD dòng vốn FDI từ Singapore và Malaysia là 12,49 tỷ USD, chiếm trên 1/3 trên tổng số vốn đầu tư FDI của Việt Nam. Cả 3 nhà đầu tư này đều nằm trong top 10 nhà đầu tư nước ngoài lớn tại Việt Nam trên tổng số 129 quốc gia và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư ở Việt Nam.

Điều này được thể hiện rõ ngay trong những dự án đầu tư mới trong những tháng đầu năm 2018. Có đến 3/5 dự án đầu tư lớn trong tháng 2 được thực hiện bởi các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản và Singapore. Chẳng hạn như dự án Nhà máy Điện gió Hanbaram có tổng vốn đầu tư 150 triệu USD và Dự án Nhà máy Dệt và May trang phục Ramatex Nam Định có tổng vốn đầu tư 80 triệu USD của nhà đầu tư Singapore. Ngoài ra, dự án Nhà máy Ykk Hà Nam với tổng vốn đầu tư 80 triệu USD của nhà đầu tư Nhật Bản.

Tuy nhiên, những cái tên còn lại trong khuôn khổ CPTPP thì vẫn còn rất khiêm tốn. Ví dụ như Canada là 5,1 tỷ USD, Australia là 1,8 tỷ USD, New Zealand là 102 triệu USD. Ít nhất

* Học viện Tài chính

có lẽ là Chile và Mexico với 1 dự án đầu tư trị giá khoảng chục ngàn USD. Riêng Peru thì vẫn chưa có hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Vì vậy, qua những con số này có thể thấy, bên cạnh những ông lớn thì vẫn có những nhà đầu tư nằm ngoài từ trường “thời nam châm” thu hút FDI Việt Nam.

Do đó, khi CPTPP được ký kết, sẽ mở ra những kỳ vọng, không chỉ các nước vốn có hoạt động đầu tư lớn tại Việt Nam mà ngay cả những nước đang có dòng vốn ít ỏi sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong CPTPP

Hiệp định Toàn diện và Tiến bộ đối tác xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trước đây là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) liên kết 11 nền kinh tế Châu Á Thái Bình Dương gồm Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam. CPTPP là một trong những hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới với GDP chiếm gần 13,5% và thương mại chiếm 15,2% tổng GDP và kim ngạch thương mại toàn cầu. Hiệp định hướng tới các mối quan hệ thương mại và đầu tư chặt chẽ hơn, cũng như đặt ra các tiêu chuẩn mới, cao hơn cho thương mại trong khu vực. CPTPP được coi là một Hiệp định mẫu cho thế kỷ 21 vì quy mô và ảnh hưởng của nó so với các hiệp định thương mại khác trong khu vực và thế giới.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong CPTPP

Trong CPTPP có Chương 9: Đầu tư, quy định khá toàn diện những nội dung có liên quan đến đầu tư qua biên giới, trong đó có nguyên tắc tối huệ quốc, đối xử quốc gia, quyền của nhà đầu tư, của nước tiếp nhận đầu tư, giải quyết tranh chấp...

Luật pháp nước ta có liên quan đến đầu tư như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp 2014 đã có các quy định khá phù hợp.

Tuy vậy, CPTPP cũng như FTA thế hệ mới đòi hỏi cao hơn về đầu tư: 1) công khai, minh bạch và dễ dự đoán của hệ thống luật pháp và sự thay đổi của pháp luật; 2) quyền sở hữu trí tuệ, nhất là bảo vệ bản quyền, thương quyền, xử

lý nghiêm hàng nhái, hàng giả, hình sự hóa các vi phạm về sở hữu trí tuệ; 3) lao động và quyền của người lao động bao gồm tiền lương và điều kiện làm việc, thành lập công đoàn độc lập và 4) phòng chống tham nhũng.

CPTPP tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư qua biên giới, do vậy khi Hiệp định có hiệu lực thì Việt Nam có điều kiện tốt hơn để thu hút FDI từ các nước thành viên khác vì thương mại gắn liền với đầu tư, nhất là với các nước mà Việt Nam chưa có thỏa thuận FTA như Canada, Mexico. Mặt khác, đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nhất là các tập đoàn kinh tế lớn tìm kiếm thị trường đầu tư tại các nước thành viên khác.

Trong thời gian gần đây, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã tuyên bố sẽ xem xét việc tham gia CPTPP nếu Hiệp định này có lợi cho Mỹ. Nếu điều đó trở thành hiện thực thì CPTPP sẽ có quy mô lớn hơn nhiều so với hiện nay, từ 13,5% lên 40% GDP toàn cầu, có lợi cho Việt Nam trong việc mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với Mỹ, khi nước ta đang thay đổi định hướng, chính sách ưu đãi FDI để tái cấu trúc nền kinh tế theo mô hình tăng trưởng mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, rất cần thu hút FDI từ các tập đoàn công nghệ hàng đầu của Mỹ và các nước công nghiệp phát triển.

Đối với FDI, cùng với việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết trong hệ thống pháp luật Việt Nam có liên quan để phù hợp với Chương Đầu tư trong CPTPP; cần đẩy nhanh việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc cấu trúc lại bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu năng; tinh giản biên chế, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức, xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, có trình độ ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp.

2. Thực trạng FDI vào Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Chính sách mở cửa kinh tế kể từ năm 1987 và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã có tác động mạnh đến dòng vốn FDI vào Việt Nam. Sau gần 30 năm, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã trở thành dòng vốn quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực trạng dòng vốn FDI tại Việt Nam có thể chia thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1987 - 2006

Mặc dù Việt Nam chưa hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu song Luật đầu tư nước ngoài năm 1987 đã tạo đà và khung pháp lý cho việc thu hút vốn FDI từ các quốc gia trên toàn thế giới. Giai đoạn 1991 - 1997, dòng vốn FDI đã tăng lên nhanh chóng, đây được xem là thời kỳ làn sóng FDI đầu tiên vào Việt Nam. Giai đoạn này, có đến 2.130 dự án với tổng số vốn đăng ký lên đến gần 34 tỷ USD. Mặc dù vậy, kể từ sau năm 1997, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở Đông Nam Á, bùng phát đầu tiên tại Thái Lan, vốn đăng ký FDI vào Việt Nam giảm dần với mức thấp nhất là 2,58 tỷ USD vào năm 1999. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính Châu Á, dòng vốn FDI vẫn tiếp tục vào Việt Nam nhưng với tốc độ hồi phục là tương đối chậm chạp và duy trì trong khoảng từ 2-3 tỷ USD trong giai đoạn 2000 - 2003. Tuy nhiên nhờ sự phục hồi của nền kinh tế Đông Nam Á và trong xu thế phát triển kinh tế thế giới, vốn FDI đăng ký đã có sự gia tăng mạnh mẽ từ năm 2004 với 4,5 tỷ USD và tăng lên trên 12 tỷ USD vào năm 2006.

12 tỷ USD thì những năm sau đó lượng vốn FDI liên tục tăng và đạt đỉnh vào năm 2008 với 71,7 tỷ USD vốn đăng ký với 1.171 dự án.

Trong giai đoạn này, nền kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, đặc biệt là giai đoạn 2008 - 2011 do sự lan rộng và ảnh hưởng ngày càng lớn của khủng hoảng kinh tế thế giới nên vốn FDI đăng ký có xu hướng giảm dần song quy mô FDI vẫn lớn hơn rất nhiều so với giai đoạn trước khi gia nhập WTO. Từ năm 2012 đến nay, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế thế giới, vốn FDI bắt đầu có xu hướng tăng trở lại. Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng dần đều, và trong năm 2017, FDI đăng ký đã đạt 35,884 tỷ USD với 2.591 dự án được cấp phép mới và hàng loạt dự án tăng vốn, góp vốn mua cổ phần. Theo số liệu cập nhật của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lượng vốn FDI đăng ký 10 tháng đầu năm 2018 đạt 27,912 tỷ USD, đã giải ngân được 15,1 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Về đối tác đầu tư**Bảng 1: Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 1986 - 2017**

Đơn vị tính: triệu USD

| Năm | Số dự án | Vốn đăng ký | Vốn thực hiện | Tỷ lệ giải ngân (%) | Quy mô bình quân 1 dự án đăng ký | Quy mô bình quân 1 dự án thực hiện |
|------|----------|-------------|---------------|---------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| 2007 | 1.544 | 21.349 | 8.034,1 | 37,6 | 13,83 | 5,20 |
| 2008 | 1.171 | 71.727 | 11.500,2 | 16,0 | 61,25 | 9,82 |
| 2009 | 1.208 | 23.108 | 10.000,5 | 43,3 | 19,13 | 8,28 |
| 2010 | 1.237 | 19.887 | 11.000,3 | 55,3 | 16,08 | 8,89 |
| 2011 | 1.186 | 15.598 | 11.000,1 | 70,5 | 13,15 | 9,27 |
| 2012 | 1.287 | 16.348 | 10.046,6 | 61,5 | 12,70 | 7,81 |
| 2013 | 1.530 | 22.352 | 11.500 | 51,4 | 14,61 | 7,52 |
| 2014 | 1.843 | 21.922 | 12.500 | 57,0 | 11,89 | 6,78 |
| 2015 | 2.120 | 24.115 | 14.500 | 60,1 | 11,38 | 6,84 |
| 2016 | 2.556 | 24.858 | 15.800 | 63,6 | 9,73 | 6,18 |
| 2017 | 2.591 | 35.884 | 17.500 | 48,8 | 13,85 | 6,75 |

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tính toán của tác giả

Giai đoạn từ năm 2007 đến nay

Kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007 và tham gia sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại tự do, dòng vốn đầu tư trong đó có FDI đã tăng lên nhanh chóng. Nếu như năm 2006, số lượng dự án FDI là 987 dự án, với số vốn đăng ký là

Tính đến hết tháng 10/2018 (lũy kế các dự án còn hiệu lực) Việt Nam đã đón nhận dòng vốn FDI đến từ hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, với dòng vốn FDI chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành bất động sản, chiếm tới gần 76% tổng số vốn FDI đăng ký vào Việt Nam.

Trong đó, dòng vốn đến từ Châu Á vẫn chiếm tỷ trọng lớn, đứng đầu là Hàn Quốc, tiếp đến là Nhật Bản, Singapore, Đài Loan. Riêng 4 nước này đã chiếm tới trên 56% tổng số vốn FDI còn hiệu lực của cả nước. Nguồn vốn FDI vào Việt Nam đa dạng hơn rất nhiều so với các nước đang phát triển khác phản ánh nhiều cơ hội đầu tư hơn với quy mô lớn. Tuy nhiên, dù Việt Nam đã có chủ trương thu hút dòng vốn FDI từ các tập đoàn xuyên quốc gia vào công nghệ cao, dịch vụ hiện đại nhưng dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn chủ yếu đến từ các nước Châu Á, trong khi dòng vốn từ khu vực Bắc Mỹ, châu Âu còn

thấp và chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước.

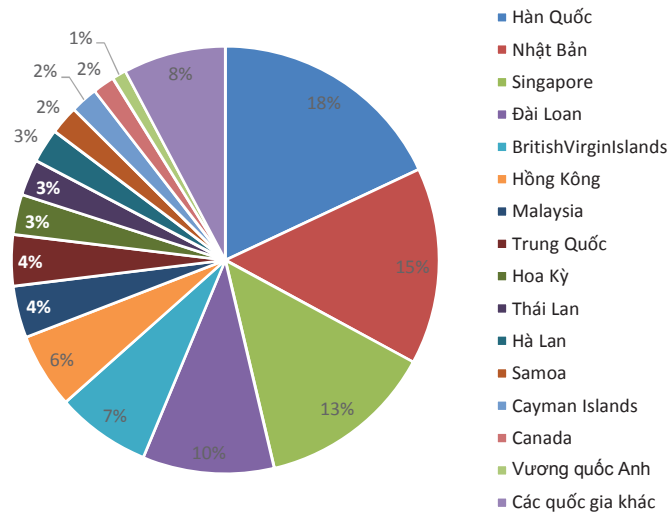
3. Lợi thế của Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư từ các nước thành viên CPTPP

So với các nước đang phát triển trong CPTPP, các lợi thế Việt Nam có được trong thu hút vốn đầu tư được phân tích dựa trên các chỉ số hấp dẫn đầu tư như sau:

** Về chỉ số quốc gia, các yếu tố chính Việt Nam có lợi thế bao gồm: Quy mô thị trường, khoảng cách địa lý và liên kết thị trường khu vực.*

Quy mô thị trường. Với dân số trên 90 triệu người và sức mua được dự báo là sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững trong những năm tới. Sự gia tăng nhanh của tầng lớp trung lưu trong những năm qua cũng là một điểm quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là ngành tiêu dùng và bán lẻ. Đây cũng là động lực chính trong việc biến thị trường tiêu dùng nội địa Việt Nam thành một trong những thị trường hấp dẫn nhất hiện nay.

Liên kết thị trường khu vực. Việt Nam đã và đang đàm phán để ký kết 16 hiệp định thương mại tự do, vì thế sẽ tạo cơ hội để các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất tại Việt Nam được hưởng các mức thuế xuất nhập khẩu hàng hóa tốt nhất. So với các nước đang phát triển là thành viên của CPTPP, Việt Nam là một trong những nước ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương có ý nghĩa quan trọng, như Hiệp định Thương mại song phương với Mỹ, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (Có hiệu lực vào năm 2018), trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC),... Ngoài ra, Việt Nam cũng đang tiếp tục tham gia đàm phán trong nhiều thỏa thuận thương mại khác. Cho đến nay, Việt Nam đã có trên 200 đối tác thương mại khắp toàn cầu, trong đó có 29 thị trường xuất khẩu và 23 thị trường nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD trong năm 2017. Trong đó có 4 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD và 5 thị trường nhập khẩu trên 10 tỷ USD, trong đó Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.



Về khoảng cách địa lý. Việt Nam nằm ở vị trí thuận lợi giữa trung tâm khu vực Đông Á với nhiều nền kinh tế lớn, năng động như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Thái Lan và Trung Quốc. Vị địa chính trị của Việt Nam không những thuận lợi cho quốc gia trong các giao dịch kinh tế quốc tế mà còn tạo cơ hội cho Việt Nam trở thành trung tâm kết nối của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và kết nối khu vực này với các nền kinh tế ở khu vực phía Tây Bán đảo Đông Dương. Bên cạnh đó, Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển các cảng nước sâu và như giao thương toàn cầu khi sở hữu hơn 3.000 km bờ biển.

** Chỉ số lợi thế, lợi thế của Việt Nam có được từ các yếu tố về sự ổn định chính trị và các chính sách khuyến khích FDI.*

Sự ổn định chính trị. Thực tế, sự mất ổn định về chính trị bao giờ cũng là mối quan ngại đầu tiên của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang duy trì được sự ổn định chính trị - xã hội trong nhiều năm. Theo đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chính sự ổn định kinh tế và chính trị của Việt Nam là yếu tố hàng đầu hấp dẫn nhà đầu tư.

Các chính sách khuyến khích đầu tư. Ngoài việc tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu một số ngành hàng, miễn giảm tiền thuê và sử dụng đất,... Nhiều công ty, tập đoàn lớn của Nhà nước

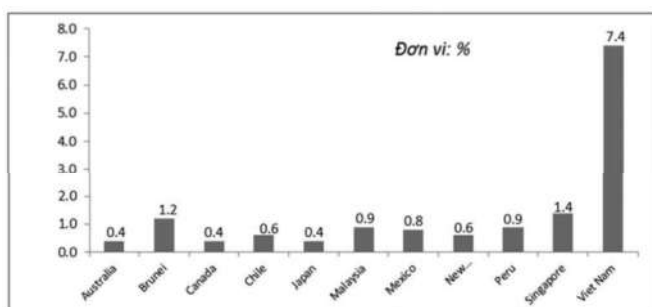
đã và sắp thoái vốn là những điểm hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, Việt Nam cũng đang kiện toàn một cách toàn diện môi trường đầu tư kinh doanh, bao gồm luật pháp và các định chế xã hội cũng như tăng cường hiệu quả thực thi chính sách. Theo đó, hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế điều chỉnh hoạt động đầu tư, kinh doanh của Việt Nam liên tục được cải thiện. Đặc biệt, những thay đổi mang tính đột phá của Luật Đầu tư đã: (1) tạo lập cơ sở pháp lý minh bạch để bảo đảm thực hiện nguyên tắc hiến định về quyền tự do đầu tư kinh doanh của công dân; (2) rà soát, loại bỏ các ngành nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý, không rõ ràng; (3) củng cố, hoàn thiện cơ chế bảo đảm đầu tư phù hợp với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (4) tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; (5) hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư; và (6) hoàn thiện chế độ phân cấp và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

* **Chỉ số kinh tế của Việt Nam** là một trong những điểm nổi bật trong số các chỉ số hấp dẫn FDI. Trong đó phải kể đến 2 nhóm yếu tố hấp dẫn đầu tư gồm: ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế, chi phí lao động và năng suất.

Ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng. Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, một trong những khu vực phát triển và năng động nhất thế giới hiện nay. Kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao so với bình quân của thế giới và các nước CPTPP (Biểu đồ 1). Mặc dù liên tục phải đối mặt với những bất ổn và thách thức khi kinh tế thế giới trải qua giai đoạn suy thoái khoảng 10 năm gần đây, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP trung bình

Biểu đồ 1: Tăng trưởng kinh tế quý IV/2017 của các nước CPTPP

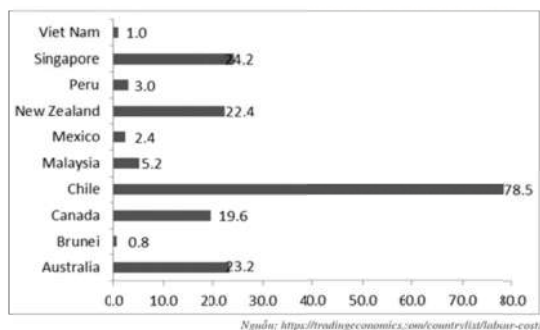


trên 6%/năm. Chính phủ Việt Nam đặt ra mục tiêu trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2035, và tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn sắp tới là 7%.

Tốc độ tăng trưởng cao và ổn định qua nhiều năm luôn là một yếu tố quan trọng hấp dẫn đầu tư nước ngoài và vì vậy tỷ lệ tăng trưởng cao so với các nước trong CPTPP giúp Việt Nam nâng cao vị thế cạnh tranh trong cuộc đua thu hút vốn đầu tư. Ngoài ra, Việt Nam cũng duy trì sự ổn định các chỉ số kinh tế vĩ mô khác. Tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được kiểm soát tốt ở mức dưới 5%. Tỷ giá ngoại hối luôn được duy trì ở mức ổn định, không có những biến động bất thường ảnh hưởng đến kinh tế. Tăng trưởng tín dụng cũng được kiểm soát chặt chẽ.

Chi phí lao động và năng suất. Khi xét lợi thế về lao động, Việt Nam được đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn thứ hai trong khối CPTPP (sau Brunei) do có lợi thế về thị trường lao động dồi dào, chi phí thấp.

Biểu đồ 2: Giá lao động của Việt Nam so với các nước trong CPTPP (USD/giờ)



Với mức giá lao động rẻ khoảng 1 USD/giờ, thấp hơn hẳn so với quốc gia trong khu vực nói chung và các nước đang phát triển nói riêng, Việt Nam sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư từ các quốc gia trong khối (Biểu đồ 2). Các nhà đầu tư cho rằng, năng suất lao động của Việt Nam có thể thấp hơn so với một số nước phát triển, nhưng nếu xét trong mối tương quan với giá lao động của Việt Nam thì chi phí lao động tính trên sản phẩm vẫn thuộc loại rẻ. Chẳng hạn, năng suất lao động của công nhân tại Nhà máy Samsung Việt Nam bằng 80% so với

Hàn Quốc, trong khi về chi phí lao động Việt Nam chỉ bằng 20% chi phí tại Hàn Quốc. Nguồn lao động trẻ và giá rẻ của Việt Nam được cho rằng sẽ trở thành “thời nam châm thu hút các nhà đầu tư quốc tế”.

*** Về chỉ số ngành:**

Ngoài những ngành truyền thống Việt Nam có lợi thế là Dệt may, Da giày, Thủy sản thì các ngành công nghiệp Điện tử và Công nghệ cao cũng là những ngành chúng ta có lợi thế trong thu hút vốn đầu tư từ các nước phát triển trong CPTPP. Bên cạnh đó, trong mấy năm gần đây, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cũng được coi là thế mạnh trong thu hút FDI. Tính đến nay, lĩnh vực này thu hút nhiều nhất nhà đầu tư nước ngoài với 13.089 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 192 tỷ USD (chiếm 57,4% tổng số dự án và 58,9% tổng vốn đăng ký đầu tư tại Việt Nam).

4. Một số khuyến nghị thu hút FDI từ các nước thành viên CPTTP vào Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ nhất, tận dụng tốt luồng vốn cũ đã vào Việt Nam từ các quốc gia CPTPP

Như đã phân tích ở trên, hiện trong số 11 quốc gia thành viên CPTPP, ngoài Peru chưa có dự án đầu tư vào Việt Nam, thì tất cả các thành viên còn lại đều đã đầu tư vào Việt Nam, với số vốn chiếm gần 37% tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam trong hơn 3 thập kỷ vừa qua. Đây là một con số không hề nhỏ, cho thấy đầu tư của các thành viên CPTPP có ý nghĩa rất lớn đối với thu hút FDI của Việt Nam.

Trên thực tế, dù không có CPTPP, vốn đầu tư từ Nhật Bản, từ Singapore, hay từ Malaysia... vẫn đổ vào Việt Nam. Đây là các đối tác đầu tư hàng đầu của Việt Nam trong 3 thập kỷ thu hút FDI vừa qua. Do đó việc tận dụng tốt số vốn từ những nước này, sẽ giúp Việt Nam có nhiều cơ hội để thu hút từ các nước thành viên khác trong CPTPP.

Thứ hai, hoàn thiện khung chính sách, pháp lý hỗ trợ hoạt động đầu tư và phù hợp với thông lệ quốc tế, luật pháp quốc tế cũng như các cam kết quốc tế

Thực tế cho thấy vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế trong việc thu hút, sử dụng vốn FDI, đó là

hạ tầng, nguồn nhân lực, công nghiệp hỗ trợ... chưa tốt. Bên cạnh đó hệ thống pháp luật, chính sách chồng chéo, mâu thuẫn; thiếu các quy định, hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới và các điều kiện đầu tư.

Thứ ba, xem xét lại chiến lược thu hút các dòng vốn nước ngoài theo hướng ưu tiên cho chất lượng dòng vốn. Nếu có được định hướng mới trong thu hút đầu tư nước ngoài, theo đó tập trung vào những nguồn vốn có chất lượng cao hơn, hướng tới những công nghệ và dịch vụ của tương lai thì sẽ là cơ hội quan trọng giúp chúng ta nhanh chóng bắt kịp trình độ phát triển của các nước tiên tiến trong khối CPTPP nói riêng và các nước trên thế giới nói chung. Từ đó tạo thêm nhiều lợi thế trong cuộc đua thu hút vốn FDI.

Thứ tư, phát triển và duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế

Phát triển và duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó khung chính sách luôn được thay đổi phù hợp với mỗi thời kỳ phát triển của đất nước, đặc biệt là pháp luật đầu tư và pháp luật doanh nghiệp đã có nhiều thay đổi lớn, có nhiều cam kết quan trọng. Cần tập trung tái cơ cấu và hiện đại hóa các ngành kinh tế và vùng kinh tế, nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của từng ngành và của nền kinh tế. Áp dụng chiến lược tái cơ cấu nền kinh tế có trọng điểm, ưu tiên dành nguồn lực quản lý và đầu tư cho việc phát triển các ngành kinh tế và địa bàn kinh tế ưu tiên.

Tài liệu tham khảo:

Như Bùi (2017), *Việt Nam tại ngưỡng cửa TPP - Góc nhìn chiến lược.*

Nguyễn Thị Thu Hiền (2018), *Những lợi thế của Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước CPTPP, được đăng trên Tạp chí công thương Việt Nam.* <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/nhung-loi-the-cua-viet-nam-trong-thu-hut-von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tu-cac-nuoc-cptpp-54288.htm>

Phùng Xuân Nhạ, Nguyễn Thị Minh Phương (2016), *Dự báo tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tới đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh, Tập 32, Số 1 (2016) 1-10.*

Tổng cục Thống kê: <http://gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>

Cục Đầu tư nước ngoài: <http://fia.mpi.gov.vn/>